

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trên lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 12 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trên lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế 39 thủ tục hành chính (từ thủ tục số 01 đến 39) tại Mục VII lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội của Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 28/4/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, KNNV. ✓



Nguyễn Văn Cao



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRÊN LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3232/QĐ-UBND**, ngày **15** tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận TN&TKQ	Công chức chuyên môn	Lãnh đạo và Văn phòng	Bộ phận TN&TKQ	
VII	Lĩnh vực: Lao động - Thương binh và Xã hội (12 TTHC)						
A	Lĩnh vực: Người có công (02 TTHC)						
1	Thủ tục "Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ"	1	0,5		0,5		
2	Thủ tục "Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi"	1	0,5		0,5		
B	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (05 TTHC)						
1	Thủ tục "Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật"	35	0,5	33	1	0,5	
2	Thủ tục "Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật"	5	0,25	4	0,5	0,25	
3	Thủ tục "Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở"	Không quy định					
4	Thủ tục "Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng"	5	0,25	4	0,5	0,25	
5	Thủ tục "Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế"	10	0,25	9	0,5	0,25	

C	Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội (05 TTHC)						
1	Thủ tục “Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình”	3	0,25	2	0,5	0,25	
2	Thủ tục “Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng”	3	0,25	2	0,5	0,25	
3	Thủ tục “Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng”	3	0,25	2	0,5	0,25	
4	Thủ tục “Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng”	5	0,25	4	0,5	0,25	
5	Thủ tục “Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng”	5	0,25	4	0,5	0,25	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH